

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST

Ngày: 25/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Ông Nguyễn Quốc Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2020/HSST ngày 02/6/2020 đối với:

- **Bị cáo:** Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, tại Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1945 (chết) và bà Dương Thị L, sinh năm: 1949 (chết); Chồng Phan Văn A, sinh năm: 1968, Con Phan Chí T, sinh năm: 1998; Bị cáo có 01 người em; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Không, bị cáo đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 19 ngày 09/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình và có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo H là:** Ông Nguyễn Văn Trung, sinh năm: 1971 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

- **Người bị hại:** Ông Võ Thanh T1, sinh năm: 1938; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại T1 là:** Bà Lê Hồng Diễm, sinh năm: 1973 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo Nguyễn Thị H có mặt; Bị hại ông T1 có mặt, người bào chữa cho bị cáo ông Trung có mặt, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại bà Diễm vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, ngụ ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp sinh sống bằng nghề làm thuê. Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 07/4/2020 đi đến nhà nhà ông Võ Thanh T1, sinh năm 1968, ngụ ấp B, xã T để xin tiền, do thấy hoàn cảnh khó khăn nên ông T1 đã lấy cọc tiền để trên tủ thờ trong nhà, lấy tờ tiền polyme mệnh giá 50.000đ cho H số tiền còn lại là 2.800.000đ ông T1 để lại trên tủ thờ như ban đầu rồi đi ra phía sau nhà. Lúc này, bị cáo H thấy ông T1 để tiền trên tủ thờ và quan sát trong nhà không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên bị cáo H lén lút đi vào trong nhà lấy số tiền 2.800.000đ để trên tủ thờ nhà ông T1 cất giấu vào túi áo khoát rồi nhanh chóng tẩu thoát về hướng xã Tân Phú. Đến khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày ông T1 phát hiện bị mất số tiền nêu trên, nghi ngờ H đã lấy trộm nên truy đuổi theo H và báo cơ quan Công an. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Nguyễn Thị H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và giao nộp tang vật phạm tội là tiền Việt Nam Đồng 2.800.000đ, gồm: 05 tờ polime mệnh giá 500.000đ, 01 tờ polime mệnh giá 200.000đ và 01 tờ polime mệnh giá 100.000đ.

Về tài sản, vật chứng tạm giữ chờ xử lý, gồm: Tiền Việt Nam Đồng là: 2.800.000đ, gồm 05 tờ polime mệnh giá 500.000đ, 01 tờ polime mệnh giá 200.000đ, 01 tờ mệnh giá 100.000đ. Đây là tài sản của Võ Thanh T1 bị Nguyễn Thị H chiếm đoạt.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Võ Thanh T1 đã nhận lại đủ số tiền 2.800.000đ và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 02/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội *Trộm cắp tài sản* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội Trộm cắp tài sản khoản 1 Điều 173, áp dụng điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, nhưng cho hưởng án theo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Hình phạt bổ sung do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn cho bị cáo.

- Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, bị cáo đã ăn năn hối cải, yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, hàng ngày đi bán vé số, hái ớt để kiếm tiền sống. Bị cáo đến nhà ông T1 mục đích là để xin tiền, sau khi ông T1 cho bị cáo 50.000đ và thấy ông T1 để số tiền còn lại trên tủ thờ và ông T1 đi ra sau rửa chén, nên nảy sinh ý định trộm số tiền trên. Sau khi trộm xong bị cáo chạy ra đường và ông T1 chạy theo bắt bị cáo lại, bị cáo năn nỉ và trả lại tài sản vừa trộm cho ông T1 và ông T1 báo công an xã.

Tại phiên tòa người bào chữa của bị cáo trình bày: Thống nhất bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và 2 Điều 51, khoản 1 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo H được hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị hại ông Võ Thanh T1 trình bày: Đã nhận lại số tiền 2.800.000đ bị cáo đã trộm, không yêu cầu bồi thường thêm, về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại T1 trình bày: Căn cứ bản luận cứ bà Diễm giao nộp, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017 xem xét tuyên phạt Nguyễn Thị H một mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Với hình phạt như vậy cũng đã đủ răn đe, giáo dục Nguyễn Thị H ăn năn, hối cải, để trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Thị H nói lời sau: Bị cáo ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để về bán vé số.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa bị hại T1 không có ý kiến, yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, không yêu cầu hoãn phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đã gửi bản luận cứ cho HĐXX, việc vắng mặt của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bà Diễm là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 07/4/2020 và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa.

Đủ căn cứ kết luận: Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 07/4/2020 bị cáo Nguyễn Thị H đã lén lút lấy trộm của ông Võ Thanh T1 số tiền 2.800.000đ (Hai triệu, tám trăm nghìn đồng), để tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát huyện Thanh Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bị cáo H có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra, do có lòng tham, lười lao động, để có tiền tiêu xài, bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại.

Bị cáo H lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút trộm cắp tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị hại, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự ở địa phương, gây hoang mang, nguy hiểm cho xã hội nên phải chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra.

[4] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo thấy rằng: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn, hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình đã gây ra, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã giao trả tài sản chiếm đoạt cho bị hại, gia đình thuộc diện cận nghèo của địa phương. Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy bị cáo H có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Vì vậy, không cần phải bắt bị cáo H chấp hành hình phạt tù, bị cáo H có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không, do hành vi phạm tội của bị cáo là xâm phạm quyền sở hữu của công dân nên không áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị trộm đã trả lại cho bị hại, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, áp dụng điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo H.

[6] Về phạt tiền: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo nghề nghiệp làm thuê, thuộc diện hộ cận nghèo, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Võ Thanh T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*), nhưng do bị cáo H thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện, người bào chữa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên, đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không được chấp nhận theo nhận định đã nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65, Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/6/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều

69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thị H được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 25/6/2019).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CA huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã T, huyện Thanh Bình;
- Bị cáo; Bị hại;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Bích Thơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

